TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24/4/2018
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH BẮC KẠN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lường Thị Phẩm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Kim Thu

2. Ông Đỗ Quang Huy

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:** Ông Bảo Thanh Toàn – Thẩm tra viên TAND huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Dịu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 30/2018/TLST - HNGĐ ngày 03/01/2018 về việc " *Xin Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 28/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hạng Thị Th, sinh năm 1970.

Bị đơn: Anh Lường Văn L, sinh năm 1964.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lường Văn Tr, sinh năm 1996

Cùng trú tại: Thôn BV, xã HM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện; bản tự khai; các lời khai tại Toà án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Hạng Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và tình trạng hôn nhân: Chị Hạng Thị Th và anh Lường Văn L chung sống với nhau từ năm 1992 không đăng kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống hàng ngày có nhiều quan điểm không thống nhất, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hai người đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Từ khi ly thân hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa, mỗi người

tự lo cho bản thân và cuộc sống của riêng mình. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Lường Thị L, sinh năm 1993 và Lường Văn Tr, sinh năm 1996. Nay các con đều đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên đã tự thỏa thuận, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận theo Biên bản thỏa thuận chia tài sản được lập ngày 10/3/2018.

Tại bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lường Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và tình trạng hôn nhân: Nhất trí lời trình bày của chị Th. Thời gian nhiều năm trở lại đây, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, mỗi người tự lo cho cuộc sống của mình. Nay nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Th.

Về con chung: Nhất trí với lời trình bày của chị Th, các con đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên đã tự thỏa thuận, yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận theo Biên bản thỏa thuận chia tài sản được lập ngày 10/3/2018.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 28, 35, 147/Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội: Không công nhận anh Lường Văn L và chị Hạng Thị Th là vợ chồng; chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải việc chia tài sản chung theo quy định. Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Sau khi giải thích pháp luật về điều kiện để công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp và các quy định của pháp luật về giải quyết các vấn đề trong vụ án hôn nhân gia đình, thì chị Th và anh L xác định hai người chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại sổ theo dõi đăng ký kết hôn của UBND xã HM không lưu giữ tài liệu liên quan đến việc đăng ký kết hôn giữa anh Lường Văn L và chị Hạng Thị Th, anh L không xin xác nhận tình trạng hôn nhân để đến địa phương khác kết hôn. Vì vậy quan hệ giữa anh L và chị Phương không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

2.2. Về con chung: Anh Lường Văn L và chị Hạng Thị Th có 02 con chung là: Lường Thị L, sinh năm 1993 và Lường Văn Tr, sinh năm 1996. (các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường). Nay cháu Lâm và cháu Trường đã trưởng thành, vì vậy Tòa án không xem xét.

3.3. Về tài sản chung: Xác định tài sản chung gồm*:*

- Thửa đất số 67, tờ bản đồ 12, diện tích 686,9 m^2. Trong đó 400 m^2 đất ở, 286,9 m^2 đất trồng cây lâu năm. Trên đất có 01 nhà sàn 03 gian bằng gỗ tạp, lợp tấm Prôximăng;

- Thửa đất số 47, tờ bản đồ 11, diện tích 306 m^2 đất trồng lúa;

- Thửa đất số 66, tờ bản đồ 12, diện tích 400,8 m^2 đất trồng lúa;

- Thửa đất số 48, tờ bản đồ 11, diện tích 625,8 m^2 đất trồng lúa;

- Thửa đất số 53, tờ bản đồ 11, diện tích 74,4 m^2 đất trồng lúa;

- Thửa đất số 274, tờ bản đồ 01, diện tích 41.229,1 m^2 đất rừng sản xuất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên đã tự thỏa thuận cho con chung Lường Văn Tr sử dụng toàn bộ đất đai và sở hữu toàn bộ tài bộ tài sản trên đất. Yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các bên theo quy định.

3.4. Về nợ chung: Hai bên xác định không có nợ chung, tòa án không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điều 5; 9; 28; 35; 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

1. Tuyên xử: Không công nhận anh Lường Văn L và chị Hạng Thị Th là vợ chồng.

2. Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo Biên bản thỏa thuận được lập ngày 10/3/2018: Cho con chung Lường Văn Tr, sinh ngày 31/5/1996 sử dụng toàn bộ đất đai và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm:

- Thửa đất số 67, tờ bản đồ 12, diện tích 686,9 m^2. Trong đó 400 m^2 đất ở, 286 m^2 đất trồng cây lâu năm. Trên đất có 01 nhà sàn 03 gian bằng gỗ tạp, lợp tấm Prôximăng;

- Thửa đất số 47, tờ bản đồ 11, diện tích 306 m^2 đất trồng lúa;

- Thửa đất số 66, tờ bản đồ 12, diện tích 400,8 m^2 đất trồng lúa;

- Thửa đất số 48, tờ bản đồ 11, diện tích 625,8 m^2 đất trồng lúa;

- Thửa đất số 53, tờ bản đồ 11, diện tích 74,4 m^2 đất trồng lúa;

- Thửa đất số 274, tờ bản đồ 01, diện tích 41.229,1 m^2 đất rừng sản xuất.

3. Về án phí: Chị Hạng Thị Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Th đã nộp đủ số tiền 300.000 *(Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số **07662** ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Các bên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện CM;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- THADS huyện CM;
- UBND xã HM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà